

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

**BÁO CÁO**  
**TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2017**  
**KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2018**

(Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018)

**PHẦN 1: KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017**

**I. Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2017:**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH năm 2017 (ĐHĐCĐ thông qua)	KH năm 2017 (TCT điều chỉnh)	Thực hiện năm 2017	Tỷ lệ hoàn thành so với KH ĐHĐCĐ thông qua(%)	Tỷ lệ hoàn thành so với KH TCT điều chỉnh (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7=6/4)	(8=6/5)
1	Chỉ tiêu SXKD	Tỷ đồng	180	155	149,09	82,83	96,21
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	143	70	77,23	54	110,34
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	0,4	-	-18,26		
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	0,4	-	-18,26		
5	Giá trị đầu tư	Tỷ đồng	7,3		6,06	83,01	
6	Lao động sử dụng bình quân	Người	84		85	101,19	
7	Thu nhập bình quân	Trđ/ng/th	7,8		7,7	98,72	
8	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	500		500	100	

**II. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2017.**

**1. Doanh thu:**

- Doanh thu năm 2017 đạt 77,23 tỷ đồng, đạt 54% so với kế hoạch năm đã được ĐHĐCĐ thông qua và bằng 110,34% so với kế hoạch năm được Tổng Công ty PVC điều chỉnh lại. Doanh thu đạt được chủ yếu là từ hoạt động thi công xây lắp; một phần là từ hoạt động môi giới bất động sản và cho thuê văn phòng Công ty, cho thuê căn hộ Dragon Palace. Cụ thể:

+ Hoạt động trong lĩnh vực xây lắp: Doanh thu đạt 74,09 tỷ đồng từ hoạt động thi công một số hạng mục tại dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1; thi công xây dựng nhà phố thương mại thuộc dự án Khu dân cư và viện dưỡng lão tại Long An và từ thi công tại dự án Khu thể thao đa năng Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

+ Hoạt động kinh doanh khác: Doanh thu đạt 3,14 tỷ đồng từ hoạt động môi giới bất động sản và cho thuê các căn hộ kinh doanh ngắn hạn của Công ty...

**2. Lợi nhuận:** Khoản lỗ của Công ty trong năm 2017 là 18,26 tỷ đồng. Khoản lỗ của Công ty chủ yếu là do chi phí lãi vay đầu tư, trích lập dự phòng vào một số Công ty góp vốn tài chính và một phần do chi phí quản lý doanh nghiệp.

**3. Thu nhập bình quân:** Thu nhập bình quân năm 2017 đạt 7,7 triệu đồng/tháng, bằng 98,72 % kế hoạch năm 2017.

### **III. Tình hình thực hiện hoạt động thi công xây lắp trong năm 2017.**

- Trong năm 2017 Công ty đã ký được các Hợp đồng về xây lắp với Tổng giá trị hợp đồng là khoảng gần 200 tỷ đồng bao gồm:

+ Giá trị hợp đồng thi công xây dựng phần thô, hoàn thiện mặt tiền Nhà phố liền kề thuộc dự án Khu dân cư và viện dưỡng lão tại Long An là 63,88 tỷ đồng.

+ Giá trị hợp đồng thi công xây dựng và hoàn thiện Chung cư 5 tầng gồm 4 block và phần cầu dẫn nối các block thuộc dự án Khu dân cư và viện dưỡng lão tại Long An là 41,5 tỷ đồng.

+ Phụ lục bổ sung của Hợp đồng số 32 thuộc dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 là trên 90 tỷ đồng.

### **IV. Tình hình thực hiện dự án năm 2017:**

- Giá trị đầu tư năm 2017 đạt 6,06 tỷ đồng bằng 83% kế hoạch năm. Giá trị đầu tư chủ yếu là chi phí lãi vay đầu tư và một phần là chi phí đầu tư tài sản cố định của Công ty.

- Dự án hiện nay của Công ty là CT5E Xuân Phương đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư và bị chậm tiến độ so với kế hoạch đề ra. Nguyên nhân chủ yếu là do việc thay đổi, điều chỉnh quy hoạch của Thành phố Hà Nội đã kéo dài thời gian các bước chuẩn bị đầu tư dự án của Công ty.

- Trong năm 2017 Công ty đã ký thanh lý Hợp đồng hợp tác kinh doanh Dự án Hạ tầng khu đô thị sinh thái và dịch vụ Cừ Long tại Hòa Bình, thoái vốn tại dự án với giá trị 46 tỷ đồng. Năm 2017 Công ty CP Hasky (trước là PVC5) đã chuyển trả số tiền là 17 tỷ đồng. Số tiền còn lại sẽ được thanh toán trong năm 2018.

### **V. Các công tác khác:**

- Công tác đào tạo cán bộ: Công ty đã cử các CBCNV tham gia các khóa đào tạo về nghiệp vụ, tập huấn, an toàn vệ sinh lao động do Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam và Tổng Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam tổ chức. Xây dựng và đào tạo đội ngũ cán bộ nguồn, có chế độ thu hút kỹ sư, cử nhân, công nhân để bổ sung nguồn nhân lực cho các công trình mới.

- Thực hiện tốt các quy định về vệ sinh, an toàn và bảo hộ lao động trên công trường.

- Đảm bảo thanh toán lương kịp thời, thực hiện đầy đủ chế độ với người lao động, góp phần đảm bảo thu nhập ổn định cho người lao động trong Công ty;

- Thực hiện kịp thời, đảm bảo đầy đủ chế độ đối với người lao động như chế độ BHXH, BHYT, thăm khám chữa bệnh,... và các chế độ khác theo quy định.

- Sử dụng lao động một cách hợp lý và có hiệu quả trong hoạt động SXKD của Công ty. Tập trung rà soát lại công việc, lực lượng lao động để sắp xếp bố trí đúng người đúng việc, nhằm đảm bảo có đủ việc làm và thu nhập ổn định cho CBCNV. Chú trọng công tác đào tạo và đào tạo lại cán bộ quản lý, kỹ sư và người lao động nhằm nâng cao kiến thức lãnh đạo quản lý, tay nghề phù hợp với xu thế phát triển và yêu cầu SXKD của Công ty.

#### **VI. Kết quả thực hiện công tác tái cơ cấu doanh nghiệp.**

- Trong năm 2017, Công ty PVC Đông Đô tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được trong việc chuyển đổi mô hình hoạt động từ lĩnh vực đầu tư kinh doanh Bất động sản sang lĩnh vực thi công xây dựng công trình. Công ty đã mở rộng thị trường xây lắp và đã có thêm được một số công trình tại Tỉnh Long An, ngoài địa bàn TP Hồ Chí Minh và Dự án Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1. Hoạt động thi công xây lắp công trình giúp Công ty từng bước ổn định sản xuất, duy trì bộ máy Công ty, tạo công ăn việc làm cho người lao động.

#### **VII. Một số hạn chế ảnh hưởng đến kết quả SXKD năm 2017.**

- Hoạt động thi công xây lắp luôn cần một nguồn vốn lớn, tuy nhiên công tác thu xếp vốn của Công ty còn gặp nhiều khó khăn, hạn mức tín dụng cho xây lắp còn thấp do Công ty thiếu tài sản đảm bảo. Công tác thoái vốn của Công ty tại các Công ty góp vốn gặp khó khăn làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty.

- Đối với hoạt động xây lắp: Công tác lập hồ sơ nghiệm thu thanh toán còn chậm, Hồ sơ nghiệm thu thanh toán phải lập lại do thay đổi nhân sự và biểu mẫu của Ban điều hành dự án.

- Giá trị tạm nghiệm thu thanh toán còn thấp (tại dự án Thái Bình 2 là 85%; Sông Hậu 1 bình quân là 70%); nhiều danh mục công việc ngoài thực tế thi công sai khác với danh mục công việc trong hợp đồng/ dự toán được duyệt nên không được nghiệm thu thanh toán dẫn đến giá trị khối lượng dở dang của Công ty cao.

- Tỷ trọng lợi nhuận trên doanh thu trong hoạt động xây lắp của Công ty còn thấp do Công ty hiện nay chủ yếu làm nhà thầu phụ.

## **PHẦN 2: KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018**

Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh thực tế, các công việc chuyển tiếp cũng như nguồn công việc dự kiến sẽ ký hợp đồng trong năm 2018, Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô xây dựng kế hoạch và các giải pháp thực hiện năm 2018 như sau:

## I. Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2018:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH năm 2018
1	Giá trị sản xuất kinh doanh	tỷ đồng	130
2	Doanh thu	tỷ đồng	157
3	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	1,0
4	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	1,0
5	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/DT	%	0,64
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/VĐL	%	0,2
7	Giá trị Đầu tư	tỷ đồng	26,95
8	Lao động sử dụng bình quân	người	95
9	Thu nhập bình quân	triệu đồng/người/tháng	7,8
10	Vốn điều lệ	tỷ đồng	500

**1. Doanh thu:** Kế hoạch năm 2018 là 157 tỷ đồng, Cụ thể:

+ Doanh thu từ hoạt động thi công xây lắp là: 151,19 tỷ đồng. Trong đó:

- Thi công các dự án tại khu vực phía Nam là: 80,36 tỷ đồng
- Thi công một số gói thầu thuộc dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 là: 70,83 tỷ đồng.

+ Doanh thu từ hoạt động kinh doanh bất động sản: 1,81 tỷ đồng.

+ Doanh thu từ kinh doanh vật tư: 04 tỷ đồng

**2. Lợi nhuận trước thuế :** Kế hoạch lợi nhuận trước thuế năm 2018 dự kiến là 01 tỷ đồng . Trong đó:

+ Lợi nhuận từ hoạt động thi công xây lắp là: 0,81 tỷ đồng.

+ Lợi nhuận dự kiến từ hoạt động kinh doanh bất động sản: 0,15 tỷ đồng

+ Lợi nhuận từ kinh doanh vật tư: 0,05 tỷ đồng.

## II. Các giải pháp và nhiệm vụ chủ yếu để hoàn thành kế hoạch năm 2018:

Để thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018, Công ty tập trung vào các giải pháp trọng tâm sau:

- Kiện toàn thường xuyên bộ máy phòng ban Công ty, Ban chỉ huy và Đội xây lắp đáp ứng yêu cầu của công trường. Tăng cường công tác đào tạo và đào tạo lại để nâng cao năng lực chuyên môn và phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu SXKD, phù hợp với tốc độ tăng trưởng của Công ty.

- Kiểm soát chặt chẽ chi phí và tăng cường kiểm soát, giám sát, thực hành tiết kiệm chi phí, giảm giá thành sản phẩm và nâng cao hiệu quả SXKD.

- Tăng cường công tác quản lý kỹ thuật, vật tư và đặc biệt là công tác an toàn lao động trên công trường.

- Tập trung nhân lực chủ chốt tại các Ban chỉ huy công trường để thực hiện công tác nghiệm thu, thanh quyết toán, thu hồi công nợ, đảm bảo tối thiểu giá trị khối lượng dở dang và công nợ phải thu tại các công trình/ dự án.

- Có giải pháp thi công chi tiết, hợp lý, tiết kiệm, an toàn cho mỗi hạng mục công trình.

- Tiếp tục tìm kiếm đối tác để thực hiện chuyển nhượng dự án/ phần vốn góp vào các Công ty như: Dự án Khu đô thị Nam An Khánh, Công ty Lam Kinh, Công ty Bình Sơn...

- Tập trung triển khai thủ tục đầu tư dự án Xuân Phương với các sở ban ngành và UBND Thành phố Hà Nội.

- Tăng cường công tác kinh doanh vật tư, vật liệu.

- Thực hiện các giải pháp tài chính linh hoạt, đa dạng hóa các kênh huy động vốn, cấp đủ vốn cho sản xuất và đầu tư. Chủ động rà soát, nâng hạn mức vay vốn lưu động để đảm bảo vốn cho SXKD;

### **Kết luận**

Trên đây là Báo cáo thực hiện kế hoạch SXKD của PVC Đông Đô trong năm 2017 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018. Công ty PVC Đông Đô mong muốn nhận được sự chỉ đạo, giúp đỡ của Tập đoàn Dầu khí, Tổng công ty PVC, H&QT và Quý cổ đông Công ty về cơ hội trong lĩnh vực xây lắp, chuyển nhượng các dự án bất động sản, nguồn vốn đầu tư cũng như giải quyết các thủ tục đầu tư với các cơ quan Nhà nước để đơn vị hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2018.

Trân trọng !



GIÁM ĐỐC *lyu*

*[Signature]*  
**Hoàng Hữu Tâm**

THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KHSXKD NĂM 2017 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2018

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2016	Năm 2017						Năm 2018				Chi chú	
				Kế hoạch năm 2017 (DHDCD thống qua)	Kế hoạch năm 2017 (TCT điều chỉnh)	TH năm 2017	Tỷ lệ thực hiện (%)			Kế hoạch năm 2018	Trong đó				
							So với KH DHDCD phê duyệt	So với KH TCT điều chỉnh	So với TH năm 2016		Quý I	Quý II	Quý III		Quý IV
A	B	C	I	2	3	4	5=4/2	6=4/3	7	8	9	10	11	12	13
I	<b>Chỉ tiêu Giá trị SXKD</b>	Tỷ đồng	138,15	180,00	155,0	149,09	82,83%	96,21%	107,92%	130,00	31,99	39,67	38,22	20,12	
1	Trong đó: + Giá trị sản lượng xây lắp	Tỷ đồng	91,36	156,35	153,96	145,66	93,16%	94,61%	159,44%	123,61	31,11	38,29	36,40	17,80	
2	+ Giá trị sản lượng ngoài xây lắp:	Tỷ đồng	46,79	23,65	1,00	3,43	14,51%	341,57%	7,33%	6,39	0,88	1,38	1,82	2,31	
	- Kinh doanh bất động sản	Tỷ đồng	17,44	12,65	1,00	2,60	20,53%	258,56%	14,89%	1,99	0,44	0,50	0,50	0,55	
	- Sản xuất kinh doanh khác	Tỷ đồng	29,35	11,00	-	0,83	7,58%		2,84%	4,40	0,44	0,88	1,32	1,76	
II	<b>Các chỉ tiêu tài chính</b>														
1	<b>Tổng tài sản</b>	Tỷ đồng	571,39	639,63	639,63	544,73	85,16%	85,16%	95,33%	576,82	578,66	574,98	575,86	576,82	
	- Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	194,52	223,90	223,90	216,32	96,61%	96,61%	111,21%	227,22	228,36	226,08	226,85	227,22	
	- Tài sản dài hạn	Tỷ đồng	376,88	415,73	415,73	328,41	79,00%	79,00%	87,14%	349,60	350,30	348,90	349,01	349,60	
2	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	Tỷ đồng	365,63	366,10	366,10	347,31	94,87%	94,87%	94,99%	348,31	347,51	347,79	348,03	348,31	
3	<b>Tổng doanh thu</b>	Tỷ đồng	93,22	143,0	70,0	77,23	54,00%	110,34%	82,85%	157,00	31,9	42,9	38,8	43,5	
3.1	Doanh thu xây lắp	Tỷ đồng	50,68	121,09	69,08	74,09	61,19%	107,26%	146,20%	151,2	31,08	41,62	37,12	41,37	
3.2	Doanh thu ngoài xây lắp	Tỷ đồng	42,54	21,92	0,91	3,14	14,32%	343,67%	7,38%	5,8	0,80	1,25	1,65	2,10	
	- Kinh doanh bất động sản	Tỷ đồng	15,86	11,92	0,91	2,36	19,81%	258,56%	14,89%	1,8	0,40	0,45	0,45	0,50	

TT	Các chi tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2016	Năm 2017						Năm 2018				Ghi chú	
				Kế hoạch năm 2017 (ĐHDCD thông qua)	Kế hoạch năm 2017 (TCT điều chỉnh)	TH năm 2017	Tỉ lệ thực hiện (%)			Kế hoạch năm 2018	Trong đó				
							So với KH ĐHDCD phê duyệt	So với KH TCT điều chỉnh	So với TH năm 2016		Quý I	Quý II	Quý III		Quý IV
	- Sản xuất kinh doanh khác	Tỷ đồng	26,68	10,00	0,00	0,78	7,77%		2,91%	4,0	0,40	0,80	1,20	1,60	
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	0,98	0,40	-	-18,26			1,00	0,20	0,28	0,24	0,28	0,28	
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	0,98	0,40	-	-18,26			1,00	0,20	0,28	0,24	0,24	0,28	
6	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	0,035	4,09	4,09	7,49	183,46%	183,46%	21412,60%	7,14	1,92	1,79	1,68	1,76	
	Trong đó: - Thuế Tài nguyên				0,00										
	- Phi môi trường				0,00										
	- Thuế Xuất khẩu				0,00										
	- Thuế Thu nhập DN				0,00										
	- Thuế VAT			4,00	4,00	7,23	180,71%		7,11	1,90	1,78	1,67	1,67	1,76	
	- Thuế khác			0,09	0,09	0,27	313,18%		0,03	0,015	0,005	0,007	0,007	0,0014	
7	Nợ phải trả	Tỷ đồng	205,76	279,83	279,83	197,42	70,55%	70,55%	95,95%	250,94	251,57	251,83	251,83	251,91	
7.1	Nợ ngắn hạn	Tỷ đồng	159,94	234,01	234,01	197,42	84,36%	84,36%	123,43%	205,12	205,75	206,01	206,01	206,09	
7.2	Nợ dài hạn	Tỷ đồng	45,82	45,82	45,82		0,00%	0,00%	0,00%	45,82	45,82	45,82	45,82	45,82	
III	Chi tiêu đầu tư				0,00										
1	Giá trị thực hiện đầu tư	Tỷ đồng	7,03	7,30	7,30	6,06	83,01%	83,01%	86,20%	26,95	2,30	7,60	6,03	11,03	
	Trong đó: - Đầu tư XDCB	Tỷ đồng	6,08	7,30	7,30	5,16	70,68%	70,68%	84,87%	16,95	2,30	2,60	6,03	6,03	
	- Đầu tư MSTB	Tỷ đồng	0,95		0,00	0,90			94,74%	10,00		5,00		5,00	
	- Đầu tư tài chính	Tỷ đồng			0,00										

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2016	Năm 2017						Năm 2018				Ghi chú		
				Kế hoạch năm 2017 (DHCĐ phê duyệt qua)	Kế hoạch năm 2017 (TCT điều chỉnh)	TH năm 2017	Tỉ lệ thực hiện (%)			Kế hoạch năm 2018	Trong đó					
							So với KH DHCĐ phê duyệt	So với KH TCT điều chỉnh	So với TH năm 2016		Quý I	Quý II	Quý III		Quý IV	
IV	Các chỉ tiêu khác			0,00												
1	Lao động và thu nhập			0,00												
	- Số lao động cuối kỳ	Người	85	90	90,00	90	100,00%	100,00%	105,88%	100	100	100	100	100	100	
	- Lao động sử dụng bình quân	Người	80	84	84,00	85	101,19%	101,19%	106,25%	95	95	95	95	95	95	95
	- Thu nhập bình quân	Trđ/ng th	7,3	7,8	7,80	7,7	98,72%	98,72%	105,48%	7,8	7,9	7,8	7,8	7,8	7,8	7,8
	- Năng suất lao động	Trđ/ng th		8,20	8,20		0,00%	0,00%								
2	Thực hiện đào tạo	Lượt người	25	25	25,00	25	100,00%	100,00%	100,00%	40	5	15	15	15	5	5
3	Kinh phí thực hiện đào tạo	Tỷ đồng	0,05	0,05	0,05	0,05	100,00%	100,00%	100,00%	0,10	0,01	0,035	0,035	0,035	0,02	0,02

Phòng KTKH

*Lương Ngọc Thóa*

Lương Ngọc Thóa

Phòng TCHC

*Vũ Lệ Hằng*

Vũ Lệ Hằng

Phòng TCKT

*Trần Trung Kiên*

Trần Trung Kiên



Hoàng Hữu Tâm



PHÂN TÍCH CHI TIẾT SẢN LƯỢNG - DOANH THU - LỢI NHUẬN NĂM 2017

STT	Tên công trình/Dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Tiến độ theo hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng	Lũy kế thực hiện đến 31/12/2016		Năm 2017							Ghi chú	
						Giá trị SXKD	Doanh thu	Kế hoạch năm 2017 (ĐHĐCD phê duyệt)			Kế hoạch năm 2017 (TCT điều chỉnh)		Thực hiện năm 2017			
								Giá trị SXKD	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Giá trị SXKD	Doanh thu	Giá trị SXKD	Doanh thu		Lợi nhuận trước thuế
A	B	C	D	E	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	F
	<b>TỔNG CỘNG</b>					179,42	123,56	180,0	143,0	0,4	155,0	70,0	149,09	77,23	-18,26	
A	<b>XÂY LẬP</b>					129,75	78,40	156,35	121,09	8,67	153,96	69,08	145,66	74,09	5,61	
1	Thi công một số dự án tại Tp. HCM. Trong đó:					49,04	43,24	18,41	16,75	1,34	12,62	7,79	12,30	8,48	1,61	
1.1	16 căn biệt thự Dragon Parc Villas	Công ty CP Địa ốc Phú Long	Nguyễn Hữu Thọ, Phước Kiển, Nhà Bè, Tp. HCM		48,28	48,66	43,24	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	-0,32	0,70	0,03	
1.2	HĐ số 119-2/2016/HĐTCXD/CDC-PVCĐĐ ngày 1/11/2016 (Thi công XD nhà tam, phần kết cấu DA Khu thể thao đa năng Q1)	Cty CP Chương Dương	phường Bến Thành, Q1, TP. HCM	238 ngày	8,28	0,38	0,00	8,28	7,53	0,60	6,90	5,25	6,90	5,25	1,06	
1.3	HĐ số 119-3/2016/HĐTCXD/CDC-PVCĐĐ ngày 4/11/2016 (Thi công hệ thống điện, nước... DA Khu thể thao đa năng Q1)	Cty CP Chương Dương	phường Bến Thành, Q1, TP. HCM	352 ngày	10,14	0,00	0,00	10,13	9,22	0,74	5,72	2,53	5,72	2,53	0,51	
2	Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2. Trong đó:					62,35	25,53	77,74	70,34	5,63	68,68	20,63	60,23	24,19	2,46	
2.1	HĐ số 01/HĐTC/CNPB-PVC Đông Đô ngày 16/6/2015 (Thi công HM Sản phẩm phối và đường ống cấp nước làm mát)	Tập đoàn DKQGVN	Huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Theo tiến độ công trình được duyệt	33,72	26,07	14,17	0,00	15,00	1,20	4,18	1,93	1,81	1,93	0,19	
2.2	HĐ số 32/2016/HĐKT/PVC-PVC Đông Đô ngày 17/6/2016 (Thi công nhà tách nước thạch cao và hệ thống thải tro xỉ)	Tập đoàn DKQGVN	Huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	175 ngày	184,556	25,65	3,08	77,74	55,34	4,43	64,50	18,70	54,23	22,26	2,27	
2.3	HĐ số 38/2016/HĐKT/PVC/PVC-Dong Do ngày 25/7/2016 (Cung cấp và vận chuyển đất gia cố mái tuyến đê)	Tập đoàn DKQGVN	Huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	30 ngày	12,91	10,63	8,28	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	4,18			
3	Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1. Trong đó:					15,51	7,03	30,00	34,00	1,70	18,11	4,49	18,11	4,81	-0,04	
3.1	HĐ số 40/2015/HĐXD/PVC PN-PVC Đông Đô&PVC Mekong ngày 9/12/2015 (Thi công Nhà làm việc và Nhà ở của CBCNV của Ban điều hành phía Nam)	Tập đoàn DKQGVN	Huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang		8,42	7,88	7,03	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,14	0,00	

STT	Tên công trình/Dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Tiến độ theo hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng	Lũy kế thực hiện đến 31/12/2016		Kế hoạch năm 2017 (ĐHĐCD phê duyệt)			Kế hoạch năm 2017 (TCT điều chỉnh)		Thực hiện năm 2017			Ghi chú
						Giá trị SXKD	Doanh thu	Giá trị SXKD	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Giá trị SXKD	Doanh thu	Giá trị SXKD	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	
3.2	HĐ số XD02C/2016/SH1-PVC-PVC. Đồng Đô ngày 10/10/2016 (Thu công khu vực nhà điều khiển trung tâm)	Tập đoàn DKQGVN	Huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang	Từ 2/10/2016 đến 4/10/2017	24,15	7,62	0,00	30,00	34,00	1,70	18,11	4,49	18,11	4,67	-0,04	
4	Cải tạo chuỗi siêu thị Bibomart tại Tp. Hồ Chí Minh					2,86	2,60	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,45	0,41	0,03	
5	Các hợp đồng dự kiến khác					0,00	0,00	30,20	0,00	0,00	54,55	36,18	54,58	36,21	1,54	
5.1	Xây dựng nhà phố thương mại thuộc dự án Khu dân cư và viện dưỡng lão tại Long An.							0,00	0,00	0,00	54,55	36,18	54,55	36,18	1,51	
5.2	Thi công cải tạo sửa chữa vp Công ty										0,00	0,00	0,03	0,03	0,03	
B	LĨNH VỰC NGOÀI XL					49,67	45,16	23,65	21,92	5,36	1,00	0,91	3,43	3,14	2,12	
I	Kinh doanh BDS					20,32	18,47	12,65	11,92	5,16	1,00	0,91	2,60	2,36	1,90	
1	Chuyển nhượng dự án KĐT sinh thái Lương Sơn Hòa Bình					0,00	0,00	4,60	4,60	4,60	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	
2	Phí dịch vụ môi giới bất động sản					0,00	0,00	0,11	0,10	0,10	0,11	0,10	1,60	1,45	1,38	
4	Chuyển nhượng căn hộ ngắn hạn được chia từ góp vốn vào DA của Công ty Phú Long ( TP HCM )					18,02	16,38	7,04	6,40	0,00			0,00	0,00	0,00	
5	Cho thuê căn hộ được chia từ góp vốn vào DA của Công ty Phú Long ( TP HCM )					0,66	0,60	0,21	0,19	0,04	0,21	0,19	0,25	0,23	0,05	
6	Cho thuê Văn phòng Công ty					1,64	1,49	0,69	0,62	0,42	0,69	0,62	0,74	0,68	0,47	
II	Sản xuất kinh doanh khác					29,35	26,68	11,00	10,00	0,20	0,00	0,00	0,83	0,78	0,22	
1	Lãi TGNH					0,04	0,04						0,067	0,067	0,067	
2	Thu nhập khác					20,17	18,34						0,144	0,144	0,144	
3	Kinh doanh vật tư					9,13	8,30	11,00	10,00	0,20			0,623	0,566	0,009	
C	Chi phí									13,63					25,99	
1	CP quản lý, bán hàng									11,00					14,07	
2	CP khác									0,03					2,66	
3	CP tài chính ( Bao gồm cả CP lãi vay)									2,60					9,26	

NGƯỜI LẬP



Trần Thu Vân

PHÒNG KINH TẾ KẾ HOẠCH



Lương Ngọc Thò



GIÁM ĐỐC

  
Hoàng Hữu Tâm

TỔNG CÔNG TY CP XÂY LẬP ĐẦU KHÍ VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU KHÍ ĐỒNG BÒ

PHÂN TÍCH CHI TIẾT SẢN LƯỢNG - DOANH THU - LỢI NHUẬN NĂM 2018

STT	Tên công trình/ dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Tiến độ theo Hợp đồng	Tổng giá trị Hợp đồng	Năm 2018																	
						Lũy kế thực hiện đến 31/12/2017			Kế hoạch năm 2018			Kế hoạch quý I			Kế hoạch quý II			Kế hoạch quý III			Kế hoạch quý IV		
						Sản lượng	Doanh thu SXKD	Lợi nhuận trước thuế	Giá trị SXKD	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Giá trị SXKD	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Giá trị SXKD	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Giá trị SXKD	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Giá trị SXKD	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế
A	B	C	D	E	F	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
	<b>TỔNG CỘNG</b>					208,58	93,09	130,00	157,00	1,00	31,99	31,88	0,20	39,67	42,87	0,28	38,22	38,77	0,24	20,12	43,47	0,28	
A	<b>XÂY LẬP</b>					208,58	93,09	123,61	151,19	0,81	31,11	31,08	0,16	38,29	41,62	0,23	36,40	37,12	0,19	17,80	41,37	0,22	
1	HD số 119-3/2016/HĐTCXD/CDC-PVCDD ngày 4/11/2016 (Thi công điện, nước, PCCC... của nhà thi đấu)	Cty CP Chương Dương	phường Bến Thành, Q1, TP. HCM	352 ngày	10,14	5,72	2,53	6,32	6,68	0,03	4,42	3,22	0,014	1,90	3,47	0,016							
2	Dự án Xây dựng Nhà Phố liền kề và Khu chung cư 5 tầng-Khu dân cư và viện dưỡng lão tại Long An				105,39	54,55	36,18	60,62	59,63	0,27	18,1845	11,572	0,052	19,40	13,23	0,060	19,40	14,11	0,063	3,64	20,73	0,09	
3	Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 (HD số XD02C/2016/SH1-PVC-PVC. Đồng Độ ngày 10/10/2016) Thi công NDK trung tâm	Tập đoàn DKQGVN	Huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang	Từ 2/10/2016 đến 4/10/2017	24,15	25,73	4,67	0,00	14,04	0,105	0,00	4,21	0,03	9,83	0,07								
4	HD 01 của DA NNNĐTB2 (Thi công NDK, SPP)	Tập đoàn DKQGVN	Huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Theo tiến độ công trình được duyệt	33,72	27,88	16,09	0,00	5,54	0,053											5,54	0,05	
5	HD 32 của DA NNNĐTB2 (Thi công Nhà tách nước thạch cao, Trạm bơm thải tro xỉ, Trạm bơm nước lắng trong quay vè...)	Tập đoàn DKQGVN	Huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	175 ngày	184,56	79,88	25,34	56,67	60,40	0,33	8,50	12,08	0,07	17,00	15,10	0,08	17,00	18,12	0,10	14,17	15,10	0,08	

STT	Tên công trình/ dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Tiến độ theo Hợp đồng	Tổng giá trị Hợp đồng	Kế hoạch năm 2018			Kế hoạch quý I			Kế hoạch quý II			Kế hoạch quý III			Kế hoạch quý IV					
						Lũy kế thực hiện đến 31/12/2017	Giá trị SXKD	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Giá trị SXKD	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Giá trị SXKD	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Giá trị SXKD	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Giá trị SXKD	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế		
						Sản lượng	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế															
6	HD 38 của DA NMMĐTBT2 (Thị công/Tuyển để ngân bài tài sx)				14,48	14,82	8,28	0,024	0,00	4,89	0,024	0,00	4,89	0,024	0,00	4,89	0,024	0,00	4,89	0,024	0,00	4,89	
<b>B</b>	<b>LĨNH VỰC NGOÀI XL</b>																						
<b>I</b>	<b>Kinh doanh bất động sản</b>																						
1	Phí dịch vụ môi giới bất động sản					1,10	1,00	0,043	0,22	0,20	0,01	0,28	0,25	0,01	0,28	0,25	0,01	0,28	0,25	0,01	0,33	0,30	0,01
2	Cho thuê căn hộ được chia từ góp vốn vào DA của Công ty Phú Long ( TP HCM )					0,20	0,18	0,02	0,050	0,046	0,005	0,050	0,046	0,005	0,050	0,046	0,005	0,050	0,046	0,005	0,050	0,046	0,005
3	Cho thuê Văn phòng Công ty					0,69	0,62	0,08	0,172	0,156	0,021	0,172	0,156	0,021	0,172	0,156	0,021	0,172	0,156	0,021	0,172	0,156	0,021
<b>II</b>	<b>Sản xuất kinh doanh khác</b>																						
1	Kinh doanh vật tư					4,4	4	0,05	0,44	0,40	0,01	0,88	0,80	0,01	1,32	1,20	0,02	1,32	1,20	0,02	1,76	1,60	0,02
						4,4	4	0,05	0,4	0,4	0,005	0,88	0,80	0,010	1,32	1,20	0,02	1,32	1,20	0,02	1,8	1,6	0,021

PHÒNG KINH TẾ KẾ HOẠCH

NGƯỜI LẬP



Trần Thu Vân



Lương Ngọc Thoa



Hoàng Hữu Tâm

TỔNG HỢP CÔNG TÁC ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC NĂM 2017

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Các chỉ tiêu	Thực hiện năm 2016		Kế hoạch năm 2017		Thực hiện năm 2017		Tỷ lệ TH (%)		Kế hoạch năm 2018		Ghi chú (Trong nước/ ngoài nước)
		Lượt người (3)	Kinh phí (4)	Lượt người (5)	Kinh phí (6)	Lượt người (7)	Kinh phí (8)	Lượt người (9=7/3)	Kinh phí (10=8/4)	Lượt người (11)	Kinh phí (12)	
(1)	(2)											(11)
I	Đào tạo cán bộ quản lý											
1	Lý luận chính trị					2	20			2	20	Trong nước
2	Thạc sỹ, Tiến sỹ											
3	.....											
II	Bồi dưỡng về CM/NV											
1	Đào tạo ngoại ngữ											
2	Các nghiệp vụ khác (Đầu thầu, thi công xây lắp...)	5	10	35	60	14	14,28	280%	143%	38	80	Trong nước
III	Bồi dưỡng công nhân											
1	Thợ hàn											
2	Thợ .....											
IV	Các chuyên đề khác											
1	Hội nghị, hội thảo .....											
2	Tập huấn.....											
	<b>Tổng cộng:</b>	<b>5</b>	<b>10</b>	<b>35</b>	<b>60</b>	<b>16</b>	<b>34,28</b>	<b>320%</b>	<b>343%</b>	<b>40</b>	<b>100</b>	

Ghi chú: - Khi lập kế hoạch đào tạo và PTNL năm... các Đơn vị chỉ lập từ cột số (1) đến (6).

- Số liệu báo cáo trên không bao gồm các khoá đào tạo do Tập đoàn/Tổng công ty tổ chức.

NGƯỜI LẬP BIỂU

*Hoàng Minh Thư*

*Hoàng Hữu Tâm*

TRƯỞNG PHÒNG TCHC

*Hoàng*

*Vũ Lê Hằng*



GIÁM ĐỐC

**BÁO CÁO**  
**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG, THU NHẬP VÀ CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH NĂM 2017**  
**VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2018**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2018
<b>I</b>	<b>Lao động theo HĐLĐ</b>				
	Lao động cuối kỳ	Người	90	90	100
	- Lao động gián tiếp	Người	80	80	90
	- Lao động trực tiếp	Người	10	10	10
	Lao động sử dụng bình quân	Người	84	85	95
2	Quỹ lương trích	đồng	8.954.000.000	8.954.000.000	9.836.316.390
3	Quỹ lương chi	đồng	8.452.800.000	8.403.832.428	8.553.318.600
	- Lao động gián tiếp	đồng			
	- Lao động trực tiếp	đồng			
4	Tiền lương bình quân	đ/ng/th	7.893.000	7.893.000	7.502.911
	- Tiền lương BQ LĐ gián tiếp	đ/ng/th	7.902.000	7.902.000	8.140.000
	- Tiền lương BQ LĐ trực tiếp	đ/ng/th	6.000.000	6.000.000	5.000.000
	- Tiền lương BQ người cao nhất	đ/ng/th	22.190.000	16.000.000	15.000.000
	- Tiền lương BQ người thấp nhất	đ/ng/th	5.000.000	5.000.000	4.500.000
5	Quỹ tiền thưởng, phúc lợi	đồng	500.000.000	450.000.000	450.000.000
6	Tổng thu nhập (6 = 3+5)	đồng	8.952.800.000	8.853.832.428	9.003.318.600
7	Thu nhập bình quân	đ/ng/th	7.800.000	7.700.000	<b>7.897.648</b>
	- Thu nhập BQ LĐ gián tiếp	đ/ng/th	7.870.000	7.870.000	8.270.000
	- Thu nhập BQ LĐ trực tiếp	đ/ng/th	600.000	5.000.000	5.000.000
	- Thu nhập BQ người cao nhất	đ/ng/th	22.000.000	16.000.000	15.500.000
	- Thu nhập BQ người thấp nhất	đ/ng/th	5.000.000	5.000.000	4.500.000
8	Đã thanh toán lương đến tháng 02/2018				
9	Số tiền nợ lương CBCNV	đồng			
<b>II</b>	<b>Cán bộ Quản lý ( Bao gồm TV. HĐQT, TV. BKS, Ban Giám đốc điều hành và Kế toán trưởng)</b>				
1	Số người	Người	11	11	11
2	Quỹ lương trích	đồng	2.010.960.000	1.980.182.606	<b>2.155.354.400</b>
3	Tiền lương bình quân	đ/ng/th	15.234.545	15.001.383	16.328.442
4	Quỹ tiền thưởng, phúc lợi	đồng			
5	Tổng thu nhập (5 = 2+4)	đồng	2.010.960.000	1.980.182.606	2.155.354.400
6	Thu nhập bình quân	đ/ng/th	15.234.545	15.001.383	16.328.442
<b>III</b>	<b>Chế độ chính sách</b>				
1	Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, BHYT				
	- Số người tham gia	người	62	61	65
	- Số lao động được cấp sổ BHXH	người	62	61	65
	- Số lượt giải quyết CE ốm đau, T.sản	lượt	4	5	6
	- Số tiền thanh toán CE ốm đau, T.sản	đồng	50.000.000	41.200.000	120.000.000
	- Đã nộp BHXH, BHYT, BHTN đến T1/2018				
	- Số tiền nợ BHXH, BHYT, BHTN	đồng			
2	Bảo hiểm con người				
	- Số người	người			
	- Số tiền phí bảo hiểm	đồng			
3	Khác				

**Trong đó: Lao động thời vụ**

- Số lao động cuối kỳ: 35 người. Trong đó: Nữ: 03
- Số lao động sử dụng bình quân trong quý: 30 người;
- Tổng quỹ tiền lương chi: 2.070.000.000 đồng;
- Tiền lương bình quân: 5.000.000 đồng/người/tháng.

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

TP. TC - HC

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHẦN VỐN

Đỗ Thị Thủy

Vũ Lệ Hằng

Trần Trung Kiên



Hoàng Hữu Tâm

**BÁO CÁO LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG, THU NHẬP**  
Ước thực hiện năm 2018

TT	Đơn vị	Thu nhập			Lao động			Lao động được hưởng			Thu nhập (trên đầu)			Chức vụ																					
		Tổng số người	Đơn vị	Đơn vị	Thu nhập thực tế	Thu nhập theo hợp đồng	Thu nhập theo chế độ	Lao động được hưởng	Thu nhập thực tế	Thu nhập theo hợp đồng	Thu nhập theo chế độ	Thu nhập trên đầu người	Thu nhập trên đầu người		Thu nhập trên đầu người																				
1	Công ty CP Đầu KHI ĐỒNG ĐÓ	95	75	25	27	40	25	3	5	36	5	72	8	0	5	10	15	10	15	33	50	15	2	10	15	5-10	0	8.550	120	120	500	315	815	7.5	7.8

Ghi chú:

- Các đơn vị có sử dụng lao động là người nước ngoài thì làm báo cáo lao động Việt Nam riêng, báo cáo lao động người nước ngoài riêng theo biểu mẫu trên
- Trước ngày 03/6 hàng năm lập báo cáo ước thực hiện lao động, tiền lương, thu nhập 06 tháng đầu năm.
- Trước ngày 03/11 hàng năm lập báo cáo ước thực hiện lao động, tiền lương, thu nhập cả năm.
- Trước ngày 10/3 năm sau, đơn vị rà soát lại số liệu, báo cáo chính thức thực hiện lao động, tiền lương, thu nhập cả năm.

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

Hà Kim Anh

**PHÒNG TÓ CHỨC - HÀNH CHÍNH**

Vũ Lệ Hằng



Hà Kim Anh

Vũ Lệ Hằng

Hoàng Hữu Tâm

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC HỢP ĐỒNG KINH TẾ**  
Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Hợp đồng (có VAT)		Giá trị phải thu đã ký VND		Giá trị sản lượng thực hiện (VND)		Giá trị đã nghiệm thu lên phiếu gửi (VND - có VAT)		Thanh toán đã trừ ứng (VND)				Trợ ứng và trừ ứng				Giá trị phải thu cuối kỳ		Ghi chú					
			Số, ngày	Giá trị VND	Giá trị USD	Tổng công cộng	Công nợ phải thu	Giá trị VND	Từ đầu CT/DA đến đầu kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ báo cáo	Từ đầu CT/DA đến đầu kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ báo cáo	Từ đầu CT/DA đến đầu kỳ báo cáo	Từ đầu CT/DA đến đầu kỳ báo cáo	Trợ ứng	Từ đầu CT/DA đến đầu kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ báo cáo	Từ đầu CT/DA đến đầu kỳ báo cáo	Tổng cộng	Công nợ phải thu		Giá trị KLDD				
I		2	3	44	48	3=6+7	6	7	8	9	10=8+9	11	12	13=11+12	14	15	16=14+15	17	18=17+18	19	20	21=19+20	22=21+22	23=22+23	24=23+24	25
<b>A</b>	<b>CÔNG TRÌNH TRONG NGÀNH</b>																									
II	CÔNG TRÌNH ĐÀ THI CÔNG XONG, ĐÃ QUYẾT TOÀN HẠ, CHỦ ĐẦU TƯ CHƯA THANH TOÀN XONG																									
I	Thu công Nhà làm việc & nhà ở CBCNV-BĐH các dự án Phía Nam PVC	Tập đoàn DKVN	Số 40/2015/HĐXD/PVC/NĐ-Đông ĐB&PVC-Mekong ngày 09/12/2015	8,42		7,88	7,73	0,15	7,88	7,88	7,73	0,15	7,88	7,88	7,73	0,15	7,88	7,46	7,46	7,46	7,46	7,46	0,42	0,42		
III	CÔNG TRÌNH ĐÀ THI CÔNG XONG NHƯNG CHƯA QUYẾT TOÀN HỢP ĐỒNG																									
2	Hợp đồng xây lắp Sản phẩm phôi và gọt đòng cấp nước làm nhà	Tập đoàn DKVN	Số 01/HBT/CNFB-PVC ĐỒNG ĐỖ ngày 16/06/2015	33,72		21,04	10,56	10,48	26,07	1,81	27,88	15,58	2,12	17,70	3,27	2,95	6,22	3,42	1,16	1,75	0,51	2,26	19,39	9,22	10,17	
3	Thu công tuyến đê Bãi biển số 1	Tập đoàn DKVN	Số 38/2016/HĐKT/PVC/PVC-ĐỒNG ĐỖ ngày 25/07/2016	14,82		10,63	9,11	1,53	10,63	4,18	14,82	9,11		9,11									14,82	9,11	5,71	
IV	CÔNG TRÌNH ĐANG THI CÔNG																									
4	Thu công nhà điều khiển trạm bơm CCB	Tập đoàn DKVN	Số XD02/2016/SH-PVC-PVC-ĐỒNG ĐỖ ngày 10/10/2016	24,15		7,62		7,62	7,62	18,11	25,73	5,14	5,14	5,14	4,33	0,84	5,17	5,17	4,33	0,84	0,84	0,84	24,89	4,30	20,59	
5	Hợp đồng xây lắp nhà tách nước thực cao và hệ thống thoát nước	Tập đoàn DKVN	Số 32/2016/HĐKT/PVC/PVC-ĐỒNG ĐỖ ngày 17/06/2016	184,56		22,43	0,17	22,26	25,65	54,23	79,88	3,39	24,49	27,88	3,22	13,73	16,96	9,01	6,78	6,78	2,23	2,23	60,70	8,69	52,00	
<b>B</b>	<b>CÔNG TRÌNH NGOÀI NGÀNH</b>																									
I	CÔNG TRÌNH ĐÀ QUYẾT TOÀN HỢP ĐỒNG, CHỦ ĐẦU TƯ ĐÃ THANH TOÀN XONG																									
6	Hợp đồng thiết kế và thi công Trung tâm trưng bày 29-08D	Công ty CP Đăng kiến Đồng Đô	Số 01/2014/HĐKT-TC ngày 03/04/2014	7,89		0,85	0,85		7,37	7,37	7,37	7,37	7,37	4,95	0,85	5,80	1,57			1,57		1,57	0,00	0,00		
7	Thi công lắp đặt kiểm tra Bể Ninh Bình	Công ty TNHH KS Thuật Đồng Đô	Số 06/2015/HĐTV ngày 03/03/2015	0,02		0,20	0,20	0,20	0,20	0,20	0,20	0,20	0,20	0,15	0,05	0,15	0,05			0,05		0,05				
II	CÔNG TRÌNH ĐÀ THI CÔNG XONG, ĐÃ QUYẾT TOÀN HẠ, CHỦ ĐẦU TƯ CHƯA THANH TOÀN XONG																									
8	Thu công cải tạo Bloomart	Công ty CP Bloomart	Số 03/09/2016/HĐXTD/BBM-BĐ ngày 03/09/2016	3,31		0,14	0,14	0,14	2,86	0,45	3,31	2,86	0,45	3,31	2,72	0,45	3,16					0,14	0,14			
III	CÔNG TRÌNH ĐÀ THI CÔNG XONG NHƯNG CHƯA QUYẾT TOÀN HỢP ĐỒNG																									
9	Thu công các cấp biệt thự Phú Long	Công ty CP Phú Long	Số 15/2015/HĐKT-PL ngày 31/03/2015	46,28		5,03	3,93	1,09	48,66	-0,32	48,34	47,57	0,77	48,34	39,04	3,17	42,21	4,74	0,14	4,59		4,59	1,53	1,53	0,00	



STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Hợp đồng (có VAT)		Giá trị phải thu dài kỳ VND		Giá trị sản lượng thực hiện (VND)		Giá trị đã nghiệm thu lên phiếu ghi (VND - có VAT)			Thanh toán đã trừ nợ (VND)			Trợ ứng và trợ ứng				Giá trị phải thu cuối kỳ		Ghi chú			
			Số, ngày	Giá trị VND	Giá trị USD	Tổng cộng	Công nợ phải thu	Từ đầu CTDA đến đầu kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ báo cáo	Từ đầu CTDA đến cuối kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ báo cáo	Từ đầu CTDA đến cuối kỳ báo cáo	Từ đầu CTDA đến cuối kỳ báo cáo	Từ đầu CTDA đến cuối kỳ báo cáo	Từ đầu CTDA đến cuối kỳ báo cáo	Từ đầu CTDA đến cuối kỳ báo cáo	Từ đầu CTDA đến cuối kỳ báo cáo	Từ đầu CTDA đến cuối kỳ báo cáo	Từ đầu CTDA đến cuối kỳ báo cáo	Tổng cộng		Công nợ phải thu KLEDD	Giá trị KLEDD	
IV	CÔNG TRÌNH ĐANG THI CÔNG																							
10	Thu công phần kết cấu Khu thể thao đa năng Q1-TPHCM	UBND Quận 1-Tp HCM	Số 119-2/2016/HĐTCXD/CDC-PVCDD ngày 01/11/2016	8,28		0,38	0,38	6,90	7,28	5,78	5,78	5,78	4,11	4,11	0,50	1,16	1,16	2,01	0,51	1,50				
11	Thu công điện, nước Khu thể thao đa năng Q1-TPHCM	UBND Quận 1-Tp HCM	Số 119-3/2016/HĐTCXD/CDC-PVCDD ngày 04/11/2016	10,14			5,72	5,72	5,72	2,79	2,79	2,79	2,59	2,59				3,13	0,19	2,94				
12	Thu công 18 căn tư 55-72 tại Long An	Công ty CP Bất động sản Trần Anh-Long An	Số 009/HĐTC-CITYTP-2017 ngày 08/03/2017	9,09			9,09	9,09	9,09	9,04	9,04	9,04	7,16	7,16				1,92	1,87	0,05				
13	Thu công 26 căn tư 50-75 tại Long An	Công ty CP Bất động sản Trần Anh-Long An	Số 014/HĐTC/TP-ĐD ngày 13/06/2017	12,18			10,60	10,60	10,60	6,94	6,94	6,94	4,13	4,13				6,46	2,81	3,65				
14	Thu công 26 căn từ 1-26 tại Long An	Công ty CP Bất động sản Trần Anh-Long An	Số 015/HĐTC/TP-ĐD ngày 14/06/2017	12,19			10,61	10,61	10,61	6,95	6,95	6,95	4,36	4,36				6,24	2,59	3,66				
15	Thu công 78 căn tại Long An	Công ty CP Bất động sản Trần Anh-Long An	Số 016/HĐTC/TP-ĐD ngày 01/07/2017	30,43			17,16	17,16	17,16	12,90	12,90	12,90	8,38	8,38				8,78	4,52	4,26				
16	Xây dựng và hoàn thiện 4 block chung cư tại Long An	Công ty CP Bất động sản Trần Anh-Long An	Số 18/HĐTC/TALA-ĐD ngày 18/09/2017	41,50			7,10	7,10	7,10	3,97	3,97	3,97	2,52	2,52				4,38	1,45	3,13				
			TỔNG CỘNG	448,97		76,01	32,50	43,51	137,32	145,63	282,95	93,81	81,47	175,27	53,34	61,88	115,23	25,61	17,91	7,93	102,70	155,02	47,34	107,68

NGƯỜI LẬP

PHÒNG KTKH

*Trần Thu Vân*

*Lương Ngọc Thảo*



Trần Thu Vân

Lương Ngọc Thảo

Hoàng Hữu Tâm

DANH MỤC QUẢN LÝ & KÝ KẾT HỢP ĐỒNG KINH TẾ  
Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Nội dung Hợp đồng	Số, ngày ký hợp đồng	Đối tác ký hợp đồng	Hình thức ký hợp đồng	Giá trị hợp đồng						Giá trị thực hiện trong kỳ báo cáo						Lấy kế thực hiện từ đầu năm đến thời điểm BC					
					Trong TCT		Ngoại ngành		Trong TCT		Ngoại ngành		Trong TCT		Ngoại ngành		Trong TCT		Ngoại ngành			
					6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20			
A	HỢP ĐỒNG ĐANG THỰC HIỆN																					
I	HỢP ĐỒNG VỚI BÊN A/CHỦ ĐẦU TƯ (1+2+...)																					
a	Hợp đồng xây lắp																					
1	Hợp đồng xây lắp Sân phân phối và gói đồ ống cấp nước làm mát	Số 01/HĐTC/CN/PB-PVC ĐỒNG ĐỐ ngày 16/06/2015	Chủ nhiệm xây lắp công trình Dầu khí Phú Bắc	Điều chỉnh giá	257,24		66,70	78,34		66,84	78,34											
2	Thi công phần kết cấu Khu thể thao đa năng Q1-TPHCM	Số 119-2/2016/HĐTCXD/CDC-PVCĐĐ ngày 01/11/2016	Công ty CP Chương Dương	Tron gói	33,72		8,28	1,81			1,81											
3	Thi công nhà điều khiển trung tâm CCB	Số XD02/2016/SHI-PVC-PVC ĐỒNG ĐỐ ngày 10/10/2016	Tổng Công ty PVC	Điều chỉnh giá	24,15		10,14	18,11			18,11											
4	Thi công điện, nước Khu thể thao đa năng Q1-TPHCM	Số 119-3/2016/HĐTCXD/CDC-PVCĐĐ ngày 04/11/2016	Công ty CP Chương Dương	x																		
5	Thi công 18 căn từ 55-72 tại Long An	Số 009/HĐTC-CT/TP-2017 ngày 08/03/2017	Công ty TNHH đầu tư xây dựng và san lấp Thuận Phát	Tron gói			9,09												9,09			
6	Thi công 26 căn từ 50-75 tại Long An	Số 014/HĐTC/TP-ĐĐ ngày 13/06/2017	Công ty TNHH đầu tư xây dựng và san lấp Thuận Phát	Tron gói			12,18												10,60			
7	Thi công các cấp biệt thự Phú Long	Số 15/2015/HĐKT-PL ngày 31/03/2015	Công ty CP Địa ốc Phú Long	Tron gói			48,28												-0,32			
8	Thi công 26 căn từ 1-26 tại Long An	Số 015/HĐTC/TP-ĐĐ ngày 14/06/2017	Công ty TNHH đầu tư xây dựng và san lấp Thuận Phát	Tron gói			12,19												10,61			
9	Thi công 78 căn tại Long An	Số 016/HĐTC/TP-ĐĐ ngày 01/07/2017	Công ty TNHH đầu tư xây dựng và san lấp Thuận Phát	Tron gói			30,43												17,16			
10	Xây dựng và hoàn thiện 4 block chung cư tại Long An	Số 18/HĐTC/TALA-ĐĐ ngày 18/08/2017	Công ty CP Bất động sản Trần Anh-Long An	Tron gói			41,50												7,10			
11	Hợp đồng xây lắp nhà tách nước thạch cao và hệ thống thải xi	Số 32/2016/HĐKT/PVC-PVC-DONG DO ngày 17/06/2016	Tổng Công ty PVC	Điều chỉnh giá	184,56			54,23			54,23											
12	Thi công tuyến dè Bãi thải xi	Số 38/2016/HĐKT/PVC-PVC-DONG DO ngày 25/07/2016	Tổng Công ty PVC	Điều chỉnh giá	14,82																	
<b>TỔNG CỘNG</b>					<b>257,24</b>		<b>119,40</b>	<b>119,40</b>	<b>78,34</b>	<b>66,84</b>	<b>78,34</b>								<b>66,84</b>			

PHÒNG KTKH  
NGƯỜI LẬP  
Trần Thu Vân  
Lương Ngọc Thôn  
Hoàng Hữu Tâm

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU KHÍ ĐỒNG ĐỐ**  
NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÂN VỐN  
ĐỒNG ĐỐ  
Q. NAM TÚ LIÊM - TP. HÀ NỘI

THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN VÀ MUA SẴM TRANG THIẾT BỊ NĂM 2017

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Mã lực thiết kế	Thời gian khởi công/hoàn thành	Đơn vị tính	Tổng mức đầu tư/Dự toán được duyệt						Kế hoạch năm 2017				Thực hiện cả năm 2017				Thực hiện từ khởi công đến 31/12/2017			Đánh giá tiến độ thực hiện trong năm 2017		Tình hình thu xếp vốn đến 31/12/2017														
						Số quyết định	Ngày, tháng duyệt	Cơ quan duyệt	Tổng mức đầu tư			Trong đó			Tổng số	Vốn chủ sở hữu	Vốn vay khác	Trong đó		Tổng số	Vốn chủ sở hữu	Vốn vay khác	Vốn chủ sở hữu	Vốn vay khác	Vốn đầu tư xếp	Vốn còn phải thu xếp													
									Tổng số	Vốn chủ sở hữu	Vốn vay khác	Tổng số	Vốn chủ sở hữu	Vốn vay khác																									
A	B	C	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34						
	Tổng cộng (A+B)				Tỷ đồng				284,33	99,52	88,14	96,67	7,30	7,30	6,06	6,06			6,06	6,06									176,71	130,91	45,80					6,06	0,00		
	Ngoại tệ				Tỷ USD																																		
	Nội tệ				Tỷ đồng																																		
A	Các Dự án (I+II+III)				Tỷ đồng				284,33	99,52	88,14	96,67	7,30	7,30	5,16	5,16			5,16	5,16									176,71	130,91	45,80						5,16	0,00	
I	Dự án nhóm B				Tỷ đồng				284,33	99,52	88,14	96,67	7,30	7,30	5,16	5,16			5,16	5,16									176,71	130,91	45,80						5,16	0,00	
1	Dự án chuẩn bị đầu tư																																						
	Dự án CTSE- Xuân Phương - Nham Từ Liêm - Hà Nội	Xuân Phương, Nham Từ Liêm, Hà Nội		Dự kiến KC năm 2018, HT năm 2019	Tỷ đồng				284,33	99,52	88,14	96,67	7,30	7,30	5,16	5,16			5,16	5,16									176,71	130,91	45,80						5,16	0,00	
B	Mua sắm tài sản cố định				Tỷ đồng										0,90	0,90			0,90	0,90																0,9	0		
1	Mua xe ô tô														0,90	0,90			0,90	0,90																	0,90		

NGƯỜI LẬP

*Trần Thu Vân*

Trần Thu Vân

PHÒNG KINH TẾ KẾ HOẠCH

*Hoàng Hữu Tâm*

Hoàng Hữu Tâm



KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN VÀ MUA SẮM TRANG THIẾT BỊ NĂM 2018

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế hoàn thành	Thời gian khởi công/ hoàn thành	Đơn vị tính	Tổng mức đầu tư/Dự toán được duyệt				Lấy kế thực hiện đến 31/12/2017				Kế hoạch đầu tư năm 2018 chia theo quý												Ghi chú										
						Số quyết định duyệt	Ngày, tháng quyết định duyệt	Cơ quan duyệt	Tổng mức đầu tư			Trong đó			Quý I - 2018			Quý II - 2018			Quý III - 2018			Quý IV - 2018												
									Tổng số	Vốn chủ sở hữu	Vốn vay khác	Tổng số	Vốn chủ sở hữu	Vốn vay khác	Tổng số	Vốn chủ sở hữu	Vốn vay khác	Tổng số	Vốn chủ sở hữu	Vốn vay khác	Tổng số	Vốn chủ sở hữu	Vốn vay khác	Tổng số	Vốn chủ sở hữu		Vốn vay khác									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34			
	Tổng cộng (A+B)				Tỷ đồng				284,33	99,52	88,14	96,67	176,71	130,91			26,95	26,95			2,30	2,30	2,60	2,60	2,60		11,03	11,03			11,03	11,03				
	Ngواتة				Tr. USD				284,33	99,52	88,14	96,67	176,71	130,91			26,95	26,95			2,30	2,30	2,60	2,60	2,60		11,03	11,03			11,03	11,03				
A	Các Dự án				Tỷ đồng				284,33	99,52	88,14	96,67	176,71	130,91			16,95	16,95			2,30	2,30	2,60	2,60	2,60		6,03	6,03			6,03	6,03				
I	Dự án nhóm B				Tỷ đồng				284,33	99,52	88,14	96,67	176,71	130,91			16,95	16,95			2,30	2,30	2,60	2,60	2,60		6,03	6,03			6,03	6,03				
	Dự án chuẩn bị đầu tư																																			
	Dự án CTSE-Xuân Phương - Nam Từ Liêm, Hà Nội								284,33	99,52	88,14	96,67	176,71	130,91	45,80			16,95	16,95			2,30	2,30	2,60	2,60	2,60		6,03	6,03			6,03	6,03			
B	Mua sắm tài sản cố định																10	10																		

PHÒNG KINH TẾ KẾ HOẠCH

NGƯỜI LẬP

*Hoàng Hữu Tùng*

*Trần Thu Vân*

Hoàng Hữu Tùng

Trần Thu Vân



**BÁO CÁO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

Đơn vị tính: triệu

TT	Diễn giải	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	Tỷ lệ % TH/KH	Kế hoạch năm 2018	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
A	B	1	2	5	6	7	C
<b>1</b>	<b>Chi phí nhân viên Quản lý</b>	<b>7.000</b>	<b>6.664</b>		<b>7.620</b>	-	
	- Tiền lương	5.919	5.970	101%	6.276		
	BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	1.081	694	64%	1.344		
<b>2</b>	<b>Chi phí vật liệu quản lý</b>	<b>128</b>	<b>278</b>		<b>11</b>		
	- Chi phí văn phòng phẩm	128	2	2%	4		
	- Chi vật liệu quản lý khác		276		7		
<b>3</b>	<b>Chi phí đồ dùng văn phòng</b>	<b>128</b>	<b>358,00</b>		<b>375,90</b>		
<b>4</b>	<b>Chi phí khấu hao TSCĐ</b>	<b>1.498</b>	<b>1.362</b>		<b>1.589</b>	-	
	- Nhà cửa vật kiến trúc	642	536	83%	663		
	- Máy móc, thiết bị		628		659		
	- Phương tiện vận tải	214	198	93%	267		
	- Thiết bị dụng cụ quản lý	642	-	0%	-		
	- Tài sản cố định khác		-		-		
<b>5</b>	<b>Chi phí dự phòng</b>		<b>1.408</b>		-		
<b>6</b>	<b>Thuế, phí, lệ phí</b>	<b>85</b>	<b>151</b>		<b>159</b>		
<b>7</b>	<b>Chi phí dịch vụ mua ngoài</b>	<b>1.069</b>	<b>1.257</b>		<b>1.272</b>		
	- Tiền điện nước	374	243	65%	259		
	- Tiền fax, điện thoại	160	82	51%	25		
	- Thuê trụ sở làm việc		-		-		
	- Chi phí thuê ngoài sửa chữa TSCĐ văn phòng		-		-		
	- Chi phí đồng phục cho CBCNV		-		-		
	- Chi phí dịch vụ tòa nhà văn phòng		275		289		
	- Chi phí kiểm toán		120		120		
	- Chi phí mua bảo hiểm tài sản		4		5		
	- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	535	533	100%	574		
<b>8</b>	<b>Chi bằng tiền khác</b>	<b>2.107</b>	<b>1.540</b>		<b>1.600</b>		
	- Chi phí tiếp khách	535	365	68%	390		
	- Công tác phí tàu xe	299	276	92%	305		
	- Tiền nhiên liệu	417	68	16%	82		
	- Chi phí tiếp thị quang cáo	21	4	19%	4		
	- Chi phí đào tạo		0.50		1		
	- Chi phí mua bảo hiểm tài sản		50				
	- Chi phí hội nghị, lễ tân, khánh tiết	299	211	71%	222		
	- Phí quản lý nộp TCT (nếu có)		-		-		
	- Chi phí bằng tiền khác	536	565	105%	596		
	<b>Tổng cộng</b>	<b>12.015</b>	<b>13.018</b>		<b>12.626</b>		

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Hoàng Lê Na

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC



Hoàng Hữu Tâm

**KẾ HOẠCH VỐN CHỦ SỞ HỮU CÔNG TY MẸ**

TT	Nội dung	Vốn chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Quý nghiên cứu KHCN và đào tạo	Quý tìm kiếm thăm dò	Quý khác thuộc vốn CSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư XDCB
1	Tại thời điểm đầu năm 01/01/2017	365.630	11.195			12.681	(158.246)	
2	Tại thời điểm cuối năm 31/12/2017 Trong đó -Ước tăng trong năm báo cáo + Lãi trong kỳ + Lỗ trong kỳ ...	347.307	11.195			12.681	(176.569)	
3	Kế hoạch tại thời điểm cuối năm 2018 Trong đó Kế hoạch tăng trong năm 2018 + Lãi trong kỳ + Lỗ trong kỳ ... Kế hoạch giảm trong năm 2018 + Lãi trong kỳ + Lỗ trong kỳ ...	(18.259) (64) 348.307  1.000	11.195		12.681	(18.259) (64) (175.569)	1.000	

Ghi chú: Áp dụng cho các công ty con

NGƯỜI LẬP BIỂU

*(Signature)*  
Nguyễn Hoàng Lê Na

KẾ TOÁN TRƯỞNG

*(Signature)*

Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm 2018



*Hoàng Hữu Tâm*

**BẢNG TIẾT GIẢM CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG SXKD QUÝ/ NĂM**

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên danh mục	Thực hiện tiết giảm cùng kỳ năm 2016	Kế hoạch đăng ký tiết giảm năm 2017	Kế hoạch tiết giảm năm 2018	Ghi chú
A	B	1	2	6	7
1	Chi phí nhiên liệu, nguyên liệu, vật tư thiết bị, năng lượng	80,00	570,50	627,55	
2	Sử dụng vật tư thiết bị trong kho				
3	Tiết giảm mua mới vật tư thiết bị				
4	Đàm phán tiết giảm giá vật tư/thiết bị đã ký hợp đồng				
5	Tự thực hiện công tác sửa chữa bảo dưỡng				
6	Đàm phán tiết giảm giá hợp đồng dịch vụ, trong đó: - Đối với đơn vị ngoài PVN - Đối với đơn vị dịch vụ trong PVN		-		
7	Tiết giảm chi phí tài chính				
8	Tiết giảm chi phí vận hành/chi phí quản lý phân xưởng/chi phí quản lý chung	800,00	1.000,00	1.100,00	
9	Tiết giảm chi phí đầu tư, trong đó: - Từ tiết giảm chi phí QLDA - Từ đàm phán giảm giá các hợp đồng dịch vụ đã ký - Từ tiết giảm đầu tư			-	
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.280,00</b>	<b>1.570,50</b>	<b>1.727,55</b>	

KẾ TOÁN TRƯỞNG

LẬP BIỂU

*Handwritten signature*

*Handwritten signature*

Nguyễn Hoàng Lê Na

*Handwritten signature*

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2018

